

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 31 - 5 - 2024  
“Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con”

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

#### TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giới và ông Nguyễn Văn Bầy

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Ngô Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 275/2023/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị D**; nơi thường trú: **thôn D, xã Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh**, có mặt.

Bị đơn: Anh **Phạm Công S**; nơi thường trú: **thôn D, xã Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh**, vắng mặt.

#### NỘI DUNG VỤ ÁN:

**\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị **Phạm Thị D** trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: năm 2009 chị **Phạm Thị D** và anh **Phạm Công S** tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, thị xã Đ. Quá trình chung sống đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh **S** mãi chơi, cờ bạc, nợ nần, không quan tâm đến gia đình, do vợ chồng sống không còn tình cảm nên từ đầu năm 2023 vợ chồng đã sống riêng, không còn sinh hoạt chung và cũng không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị **D** nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị **D** yêu cầu được ly hôn anh **S**.

- Về con chung: chị **D** và anh **S** có 01 con chung là **Phạm Thị Khánh P**, sinh ngày 23/10/2009, chị **D** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh **S** có nghĩa vụ nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị **D** không yêu cầu giải quyết.

**\* Tại bản tự khai ngày 05/3/2024, bị đơn anh Phạm Công S trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **S** và chị **D** kết hôn như chị **D** trình bày. Quá trình chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh **S** bận công việc, không có thời gian quan tâm đến gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên từ đầu năm 2023, mặc dù vẫn ở chung cùng nhà nhưng không còn sinh hoạt chung và không quan tâm đến nhau, mặc dù vợ chồng cũng cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay chị **D** yêu cầu ly hôn, anh **S** mong muốn vợ chồng khắc phục mâu thuẫn, đoàn tụ gia đình nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: anh **S** và chị **D** có 01 con chung là **Phạm Thị Khánh P**, sinh ngày 23/10/2009, nếu phải ly hôn anh **S** đồng ý để chị **D** được trực tiếp nuôi con chung, anh **S** chấp nhận cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh **S** không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi cư trú của chị **D** và anh **S**, ông **Đỗ Xuân N** - Trưởng thôn dương Đê, xã **Y** cung cấp nội dung như sau: vợ chồng chị **Phạm Thị D** và anh **Phạm Công S** có cùng chung sống và thường trú tại thôn **D**, xã **Y**, thị xã **Đ**. Chị **D** và anh **S** có 01 người con chung là **Phạm Thị Khánh P**, sinh năm 2009. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị **D** và anh **S** có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không hòa hợp nhau nên vợ chồng sống không có tình cảm nên anh **S** thường ít khi ở nhà. Nay chị **D** yêu cầu ly hôn và nuôi con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn và nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng*: chị **Phạm Thị D** khởi kiện yêu cầu ly hôn anh **Phạm Công S** có nơi thường trú tại **thôn D, xã Y, thị xã Đ** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: chị **Phạm Thị D** và anh **Phạm Công S** có kết hôn hợp pháp nên được pháp luật bảo hộ là quan hệ vợ chồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không có sự quan tâm lẫn nhau, thường xuyên cãi vã mắng chửi nhau, việc mâu thuẫn vợ chồng cả chị **D** và anh **S** đều thừa nhận. Nay chị **D** nhận thấy vợ chồng sống không còn tình cảm, cuộc sống không có hạnh phúc nên chị **D** yêu cầu ly hôn, còn đối với anh **S** lại có quan điểm mặc dù vợ chồng sống không có hạnh phúc nhưng anh **S** mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù vợ chồng chị **D**, anh **S** vẫn ở chung cùng nhà nhưng sinh hoạt riêng và không quan tâm đến nhau, như vậy chứng tỏ giữa chị **D** và anh **S** đã không còn tình cảm vợ chồng và không còn trách nhiệm gì với nhau, hơn nữa cả chị **D** và anh **S** cũng thừa nhận vợ chồng sống không có hạnh phúc. Vì vậy, việc anh **S** không đồng ý ly hôn, nhưng cuộc sống vợ chồng chị **D**, anh **S** đã không còn tình cảm, hạnh phúc, không thể tồn tại cuộc sống vợ chồng nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **D** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] *Về con chung*: chị **D** và anh **S** có 01 con chung là **Phạm Thị Khánh P**, sinh ngày 23/10/2009, chị **D** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh **S** có nghĩa vụ nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, anh **S** cũng đồng ý yêu cầu này của chị **D** nên chấp nhận sự tự nguyện giữa các bên.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: chị **D** và anh **S** đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: chị **Phạm Thị D** là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh **Phạm Công S** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

[4] *Về quyền kháng cáo*: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ**: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: chị **Phạm Thị D** được ly hôn anh **Phạm Công S**.

2. Về con chung: giao chị **Phạm Thị D** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **Phạm Thị Khánh P**, sinh ngày 23/10/2009 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh **Phạm Công S** có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh **S** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chị **D** cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: chị **Phạm Thị D** phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0003429 ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều. Chị **D** đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh **Phạm Công S** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thị xã Đông Triều;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
- Ủy ban nhân dân xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(ĐÃ KÝ)**

**Vi Thanh Hà**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vi Thanh Hà**









**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN  
TỌA PHIÊN TÒA**

**THẨM PHÁN – CHỦ**

**L**